TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/DS-ST
Ngày 09 tháng 10 năm 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Bùi Hữu KhA

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 08 năm 2019 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2019/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T H, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Bà Hồ Thị Ánh, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08.8.2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị T H trình bày: Ngày 21 tháng 12 năm 2018 âl bà cho vợ chồng ông T và bà A vay số tiền là 150.000.000 đồng; Ngày 21 tháng 01 năm 2019 âm lịch ông T và bà A vay tiếp số tiền là 150.000.000 đồng. Khi vay không có thỏa thuận lãi. Các lần vay ông T và bà A có làm biên nhận nợ do bà A viết và ký tên. Từ khi vay đến nay ông T và bà A không đóng lãi lần nào. Nay bà yêu cầu ông T và bà A liên đới trả cho bà số tiền vay vốn là 180.000.000 đồng và lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm.

Các lời khai tại biên bản làm việc ghi nhận ý kiến bị đơn bà Hồ Thị Ánh trình bày: Bà có vay tiền của bà H nhiều lần nhưng đến lần sau cùng vay số tiền là 150.000.000 đồng và 30.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận nợ nhưng không nhớ thời gian vay cụ thể. Tổng số tiền bà còn thiếu bà H là 180.000.000 đồng. Khi vay có đóng lãi nhưng không nhớ số tiền cụ thể, cũng không làm biên nhận hay làm giấy tờ gì. Mục đích vay tiền nhằm làm ăn và sinh hoạt trong gia đình. Khi vay

tiền thì ông T là chồng bà không biết nhưng sau khi bể nợ thì ông T biết. Bà đồng ý trả cho bà H số tiền vốn là 180.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi.

Các lời khai tại biên bản làm việc ghi nhận ý kiến ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Việc bà A là vợ ông vay tiền của bà H số tiền tổng cộng là 180.000.000 đồng thì ông không biết nên không làm biên nhận nợ cho bà H, sau đó bà A bể nợ thì ông mới biết. Ông đồng ý liên đới cùng với bà A trả cho bà H số tiền vay vốn là 180.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông T và bà A biết về việc bà H yêu cầu trả số tiền vay vốn là 180.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật nhưng ông T và bà A không có ý kiến gì. Tòa án đã tống đạt cho ông T và bà A thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông T và bà A không đến và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của bà H. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa bà H và ông T, bà A được. Tòa án tiến hành triệu tập ông T và bà A để tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T và bà A vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án xét xử vắng mặt ông T và bà A theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là bà Lê Thị T H với ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồ Thị A được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn khi giao kết hợp đồng vay tài sản và tại thời điểm hiện tại đều có địa chỉ tại Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy đinh tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hai phiên tòa sơ thẩm mở vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 24/9/2019 và 07 giờ 30 phút ngày 09/10/2019, mặc dù bị đơn đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về thời hiệu khởi kiện: Hội đồng xét xử xét thấy theo lời khai của bà Lê Thị T H thì thời điểm phát sinh tranh chấp được xác định vào ngày 22 tháng 12 năm 2018 âm lịch (tức là 27 tháng 01 năm 2019 dương lịch). Như vậy ngày 08 tháng 08 năm 2019 dương lịch bà H khởi kiện đối với bà Hồ Thị A, ông Nguyễn Ngọc T là vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ông T, bà A trả số tiền vay vốn là 180.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Phía ông T, bà A có ý kiến đồng ý trả số tiền vay vốn là 180.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi suất.

Hội đồng xét xử xét thấy tại hồ sơ thể hiện bà H cung cấp 02 biên nhận nợ, biên nhận ngày 22 tháng 12 năm 2018 âm lịch bà A vay số tiền là 150.000.000 đồng và ngày 21.01.2019 âm lịch bà A vay số tiền là 30.000.000 đồng, khi vay không có thỏa thuận lãi suất cụ thể. Các bên đương sự thừa nhận đây là giao dịch vay tài sản cụ thể là vay tiền nhưng thống nhất ghi trong biên nhận nợ là mượn do thỏa thuận khi giao dịch. Phía bà A, ông T cũng thừa nhận có vay của bà H số tiền là 180.000.000 đồng và hiện nay số tiền còn thiếu bà H là 180.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi cho bà H. Xét thấy việc ông T, bà A có vay tiền của bà H tổng số tiền 180.000.000 đồng là thực tế có xảy ra và cho đến nay vẫn không trả là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 274 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông T, bà A là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với việc bà H yêu cầu Tòa án buộc ông T có trách nhiệm liên đới với bà A trả nợ cho bà. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà A trực tiếp vay tiền của bà H và làm biên nhận nợ nhưng việc vay tiền của bà H sử dụng phát triển kinh tế chung tạo thu nhập cho gia đình và khi vay tiền của bà H thì bà A và ông T là vợ chồng. Đồng thời ông T cũng đồng ý có nghĩa vụ liên đới với bà A trong việc trả nợ cho bà H. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc bà A và ông T có trách nhiệm liên đới trả tiền vay cho bà H.

Về lãi suất: Phía ông T, bà A cho rằng trước đây có vay tiền của bà H nhiều lần và có đóng lãi cho bà H nhưng không nhớ thời gian đóng lãi và số tiền cụ thể, bà A không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh có đóng lãi cho bà H. Bà H xác định bà A, ông T không có đóng lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ xác định bà A, ông T có đóng lãi cho bà H. Do khi vay hai bên không có thỏa thuận lãi suất, nên lãi suất xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng vay ngày 22.12.2018 âm lịch (27.01.2019 dương lịch) đến ngày xét xử ngày 09.10.2019 dương lịch là 08 tháng 12 ngày, số tiền lãi là: 150.000.000 đồng x 10%/năm x 08 tháng 12 ngày = 10.500.000 đồng.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng vay ngày 21.01.2019 âm lịch (25.02.2019 dương lịch) đến ngày xét xử ngày 09.10.2019 dương lịch là 07 tháng 14 ngày, số tiền lãi là: 30.000.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng 14 ngày = 1.867.000 đồng.

Tổng số tiền lãi của hai khoản vay trên là 12.367.000 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông T và bà A trả số tiền vay vốn là 180.000.000 đồng và lãi là 12.367.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông T, bà A phải chịu là 192.367.000 đồng x 5% = 9.618.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 166, 185, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T H đối với ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị A.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị A phải liên đới trả cho bà Lê Thị T H số tiền vay vốn là 180.000.000 đồng và lãi là 12.367.000 đồng, tổng cộng là 192.367.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Lê Thị T H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị A không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị A phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.618.350 đồng (Chín triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm năm mươi đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Lê Thị T H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Lê Thị T H có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 4.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004873 ngày 08 – 8 – 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Lê Thị T H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Ngọc T và bà Hồ Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Kiệt